

Bản án số: 46/2025/DS-ST

Ngày: 03/03/2025

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**.
2. Ông **PHẠM TRUNG THÀNH**.
- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **TRẦN HƯƠNG LINH** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 564/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông **LÊ V A**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp 02, xã Tân Th, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (có mặt)

* **Bị đơn**: Ông **NGUYỄN V T**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Bà **HUỲNH THỊ TH**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 02, xã Tân Th, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa nguyên đơn là ông Lê V A trình bày:

Vào ngày 01/2/2021 ông Nguyễn V T đến vay của ông số tiền là 13.135.000 đồng có làm tờ cam kết vay tiền anh T có ký tên vào giấy vay tiền thỏa thuận trả hàng tháng khoảng 10 triệu 1 tháng, cho vay không tính lãi không trả tiền vay gốc hàng tháng. Đến ngày 09/3/2022 bà Huỳnh Thị T đến vay của ông số tiền 343.865.000 đồng có làm tờ giấy vay tiền bà T có ký tên giấy vay tiền lần 2, thỏa thuận trả hàng tháng 10 triệu cho tháng đầu tiên, cho vay không tính lãi. Sau đó ông và bị đơn ngồi lại xác định lại số tiền bị đơn vay vào ngày 09/3/2022 chốt số tiền vay với bị đơn là tổng cộng là 357.000.000 đồng có làm biên nhận và hai vợ

chồng bị đơn ký tên vào biên nhận nêu trên. Đến ngày 2/3/2022 al bị đơn trả 10.000.000 đồng. Đến ngày 3/8/2022 al bị đơn trả 5.000.000 đồng. Ngày 01/10/2022 bị đơn trả 8.000.000 đồng. Đến 30/12/2022 bị đơn trả 5.000.000 đồng. Thời gian sau bị đơn có trả cho tôi nhưng tôi không nhớ ngày cụ thể có trả các lần như sau: lần 1 trả 5.000.000 đồng; lần 2 trả 5.000.000 đồng; lần 3 trả 5.000.000 đồng; lần 4 trả 4.000.000 đồng; lần 5 trả 2.000.000 đồng; lần 6 trả 2.000.000 đồng; lần 7 trả 2.000.000 đồng; lần 8 trả 2.000.000 đồng. Đến hiện tại thì bị đơn nợ số tiền là 302.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho ông số tiền là 302.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T không có V bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất phát sinh tính trên số tiền vay gốc với mức lãi suất là 1,6%/tháng bắt đầu tính từ ngày 01/02/2021 và ngày 09/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ theo hồ sơ vụ án và các quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê V A số tiền nợ vay tổng cộng là: **302.000.000** đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa ông Lê V A và bà Huỳnh Thị T; ông Nguyễn V T là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của đương sự và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Nguyên đơn xác định bị đơn nợ tiền vay của nguyên đơn với số tiền tổng cộng là 357.000.0000 đồng. Nay phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ vay còn thiếu là 302.000.0000 đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật vì bị đơn có trả được cho nguyên đơn số tiền là 55.000.000 đồng. Còn phía bị đơn bà T, ông T không có V bản ý kiến và vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp

nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận vay tiền đề vào ngày 01/02/2021 và biên nhận vay đề ngày 09/03/2022 các biên nhận này đều thể hiện phía bị đơn thừa nhận là người trực tiếp xác lập công nợ với số tiền nợ theo biên nhận nợ vay tổng cộng của hai biên nhận là 357.000.000 đồng thời hạn vay không xác định. Kể từ ngày vay tiền cho đến nay thì bị đơn thực hiện trả cho nguyên đơn số tiền nhiều lần tổng cộng là 55.000.000 đồng và còn nợ lại nguyên đơn số tiền vay là 302.000.000 đồng cho đến nay thì bị đơn không thực hiện việc trả tiếp cho nguyên đơn số tiền nợ, có chữ ký tên xác nhận của bị đơn trong biên nhận nêu trên. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ cho bị đơn, đồng thời tổng đạt các V bản tố tụng cho phía bị đơn ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T theo quy định của pháp luật thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện xem như phía bị đơn tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho phía nguyên đơn. Từ đó, xác định việc bị đơn còn nợ tiền vay của nguyên đơn và hiện còn thiếu nợ lại nguyên đơn số tiền nợ vay là 302.000.000 đồng là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê V A số tiền nợ vay là 302.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] **Vấn đề lãi suất:** nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất phát sinh tính trên số tiền vay gốc với mức lãi suất là 1,66%/tháng bắt đầu tính từ ngày 01/02/2021 và ngày 09/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận. Từ đó, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút như trên.

[4] **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, Điều 273, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê V A.
- Buộc ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê V A số tiền nợ vay tổng cộng là: **302.000.000** đồng.
- Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà T chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê V A về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất phát sinh tính trên số tiền vay gốc với mức lãi suất là 1,66%/tháng bắt đầu tính từ ngày 01/02/2021 và ngày 09/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí:

- Ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T phải liên đới chịu 15.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lê V A có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà T, ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ÂU THỊ THẢO

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ÂU THỊ THẢO

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ÂU THỊ THẢO

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc . . . giờ . . . ngày 03 tháng 03 năm 2025

Tại phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà ÂU THỊ THẢO

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ĐỖ DUY HÙNG

2. Ông PHẠM TRUNG THÀNH

Tiến hành nghị án đối với vụ dân sự thụ lý số 564/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông **LÊ V A**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp 02, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

* **Bị đơn:** Ông **NGUYỄN V T**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Bà **HUỲNH THỊ T**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 02, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê V A.
 - Buộc ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê V A số tiền nợ vay tổng cộng là: **302.000.000** đồng.
 - Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà T chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.
- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê V A về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất phát sinh tính trên số tiền vay gốc với mức lãi suất là

1,6%/tháng bắt đầu tính từ ngày 01/02/2021 và ngày 09/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về án phí:

- Ông Nguyễn V T và bà Huỳnh Thị T phải liên đới chịu 15.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê V A có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên bà được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà T, ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi ...giờ ...phút, ngày 03 tháng 03 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

THẨM

- TAND Tỉnh Tiền Giang;

TÒA

- VKSND Huyện Cái Bè;

- Chi cục THADS huyện Cái Bè;

- Các đương sự;

- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

NGUYỄN TRUNG TÍNH